

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM: THÀNH TỰU, THÁCH THỨC VÀ TRIỂN VỌNG

GS.TS. Nguyễn Trọng Cơ* - Ths. Tạ Thanh Mai* - TS. Nguyễn Thu Trang**

Kinh tế tư nhân (KTTN) ngày càng đóng vai trò trọng yếu trong nền kinh tế Việt Nam. Bài viết này tập trung phân tích thực trạng phát triển khu vực kinh tế tư nhân trong thời gian gần đây, nhấn mạnh các thành tựu đạt được, chỉ ra những thách thức còn tồn tại và đưa ra một số dự báo, định hướng chính sách nhằm phát huy tiềm năng của khu vực này trong giai đoạn tới. Trên cơ sở dữ liệu thống kê và các báo cáo chính sách kinh tế, bài viết cung cấp cái nhìn toàn diện, khoa học về động lực, hạn chế và triển vọng phát triển của kinh tế tư nhân Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và chuyển đổi kinh tế xanh, số hóa mạnh mẽ.

• Từ khóa: kinh tế tư nhân, doanh nghiệp, tăng trưởng, đổi mới, thể chế, chính sách, chuyển đổi số.

The private economic sector is playing an increasingly important role in Vietnam's economy. This paper focuses on analyzing the recent development of the private sector, emphasizing its achievements, identifying existing challenges, and offering several forecasts and policy orientations to unlock the full potential of this sector in the coming period. Based on statistical data and economic policy reports, the article provides a comprehensive and scientific perspective on the drivers, limitations, and development prospects of Vietnam's private economy in the context of deep international integration and the strong transition toward a green and digital economy.

• Key words: private economy, enterprises, growth, innovation, institutions, policy, digital transformation.

Ngày gửi bài: 19/6/2025

Ngày gửi phản biện: 30/6/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 02/7/2025

Ngày chấp nhận đăng: 28/7/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i294.01>

Mở đầu

Tại Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, được ban hành vào ngày 04/05/2025, Đảng ta xác định: Khu vực kinh tế tư nhân là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng nhất của nền kinh tế Việt Nam. Kinh tế tư nhân (KTTN) là một cấu phần không thể thiếu và ngày càng khẳng định vai trò trụ cột trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. Trong những năm gần đây, số lượng doanh nghiệp tư nhân tăng mạnh, đóng góp đáng kể vào GDP, thu ngân sách và tạo việc làm.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, khu vực này vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức cả về thể chế, năng lực cạnh tranh, tiếp cận tài chính và đổi mới công nghệ. Để KTTN phát huy tối đa tiềm năng, đạt được tầm vóc mới trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và cách mạng công nghiệp 4.0, thì việc phân tích sâu thực trạng phát triển kinh tế tư nhân là cần thiết nhằm xác định những giải pháp và định hướng chính sách phù hợp để thúc đẩy khu vực này phát triển hiệu quả, bền vững.

1. Bối cảnh lịch sử và thể chế phát triển Kinh tế Tư nhân ở Việt Nam

1.1. Giai đoạn trước Đổi mới (trước 1986): Hạn chế và vai trò mờ nhạt

Trong giai đoạn kinh tế kế hoạch hóa tập trung, KTTN gần như không được công nhận hoặc bị hạn chế nghiêm ngặt. Các hình thức kinh tế cá thể nhỏ lẻ tồn tại chủ yếu ở khu vực nông thôn và các ngành nghề truyền thống, nhưng chịu sự quản lý chặt chẽ và không được khuyến khích phát triển. Chính sách tập thể hóa và quốc hữu hóa đã đẩy KTTN vào tình trạng khó khăn, không có động lực để phát triển. Giai đoạn này cho thấy sự thiếu vắng vai trò của khu vực tư nhân đã góp phần làm chậm quá trình phát triển kinh tế chung của đất nước.

1.2. Giai đoạn Đổi mới và mở cửa (1986 - 2000): Bước đầu phục hồi và hình thành khung pháp lý

Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986) với chủ trương đổi mới toàn diện đã mở ra cánh cửa cho KTTN. Việc thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần, với sự tồn tại và phát triển của các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, là

* Học viện Tài chính

** MBbank

một bước ngoặt lịch sử. Luật Doanh nghiệp Tư nhân và Luật Công ty năm 1990 là những văn bản pháp lý đầu tiên tạo hành lang pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của doanh nghiệp tư nhân và công ty. Dù còn nhiều hạn chế, các luật này đã đánh dấu sự công nhận chính thức của Nhà nước đối với KTTN. Theo đó là sự gia tăng mạnh mẽ của các hộ kinh doanh cá thể và doanh nghiệp nhỏ, đặc biệt trong các ngành thương mại, dịch vụ và sản xuất hàng tiêu dùng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bắt đầu được cải thiện nhờ sự năng động của khu vực tư nhân mới nổi.

1.3. Giai đoạn hội nhập và phát triển mạnh mẽ (Từ 2000 đến 2025): Thể chế hóa và khẳng định vị thế

Giai đoạn này được đánh dấu bằng những cải cách thể chế mạnh mẽ hơn, đặc biệt là sự ra đời của Luật Doanh nghiệp 1999 (thay thế Luật Doanh nghiệp Tư nhân và Luật Công ty 1990). Luật Doanh nghiệp 1999 được coi là “cuộc cách mạng” về hành chính, xóa bỏ hàng trăm loại giấy phép con và thủ tục rườm rà, tạo điều kiện thuận lợi chưa từng có cho việc thành lập và hoạt động của doanh nghiệp. Tiếp đó, Luật Doanh nghiệp 2005, 2014 và 2020 tiếp tục được ban hành, hoàn thiện hơn nữa môi trường pháp lý, thúc đẩy quyền tự do kinh doanh và giảm gánh nặng tuân thủ cho doanh nghiệp.

Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng cho sự phát triển của khu vực này. Nghị quyết khẳng định KTTN “là một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” và đề ra nhiều chủ trương, chính sách để KTTN phát triển lành mạnh, hiệu quả.

Việt Nam tham gia Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007 và ký kết hàng loạt Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP) đã mở ra cơ hội lớn cho KTTN tiếp cận thị trường quốc tế, đồng thời tạo áp lực phải nâng cao năng lực cạnh tranh.

1.4. Giai đoạn hiện nay: “động lực quan trọng nhất”

Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, được ban hành vào ngày 04/05/2025, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong nhận thức và chính sách của Đảng ta, thể hiện một sự thay đổi đột phá trong tư duy và nhận thức của Đảng về vai trò, vị trí của kinh tế tư nhân.

Theo đó kinh tế tư nhân được coi là động lực quan trọng nhất và phát triển kinh tế tư nhân được coi là đòn bẩy cho một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng. Có thể nói: Nghị quyết 68-NQ/TW không chỉ là một văn bản chính sách mà còn là một “cú hích tinh thần” quan trọng, thể hiện sự chuyển mình thực chất trong tư duy phát triển kinh tế của Việt Nam, Tạo xung lực mới, khí thế mới để phát triển kinh tế tư nhân.

Cùng với Nghị quyết 68-NQ/TW, Nghị quyết 138/NQ-CP Ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ Ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW, Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2015 của Quốc hội về một số cơ chế chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân, hệ thống pháp luật, chính sách cụ thể hóa và tổ chức triển khai đã tạo ra luồng sinh khí mới thúc đẩy KTTN phát triển, khơi dậy và lan tỏa khát vọng cống hiến đưa dân tộc bước vào kỷ nguyên vươn mình vì một Việt Nam phồn vinh, thịnh vượng, hạnh phúc hùng mạnh

2. Thành tựu nổi bật của Kinh tế Tư nhân ở Việt Nam

Sau gần 40 năm đổi mới, KTTN đã đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện, thể hiện rõ vai trò trụ cột của mình.

2.1. Số lượng doanh nghiệp tư nhân phát triển mạnh

Số lượng doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam trong giai đoạn 2020-2024

Chỉ số	2020	2021	2022	2023	2024
Tổng số DN đang hoạt động (cuối kỳ)	811	850	900	920	940
DN thành lập mới	131.2	116.8	148.5	159.3	162.9
DN quay trở lại hoạt động	44.1	43.1	59.2	58.9	70.5
Tổng số DN gia nhập thị trường	175.3	159.9	207.7	218.2	233.4
DN tạm ngừng kinh doanh	46.5	54.9	83.6	89.1	105.7
DN chờ giải thể	43.1	48.1	50.8	51.5	57.7
DN đã giải thể/phá sản	16.3	16.9	14.3	34.1	34.5
Tổng số DN rút lui khỏi thị trường	105.9	119.9	148.7	174.7	197.9

Nguồn: Cục phát triển doanh nghiệp, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ KH và ĐT

Số lượng các doanh nghiệp tư nhân giai đoạn 2020-2024, tăng trưởng mạnh mẽ, luôn chiếm tỷ trọng lớn và có xu hướng tăng, bất chấp ảnh hưởng của đại dịch Covid cũng như ảnh hưởng của thiên tai, hỏa hoạn. Điều này cho thấy:

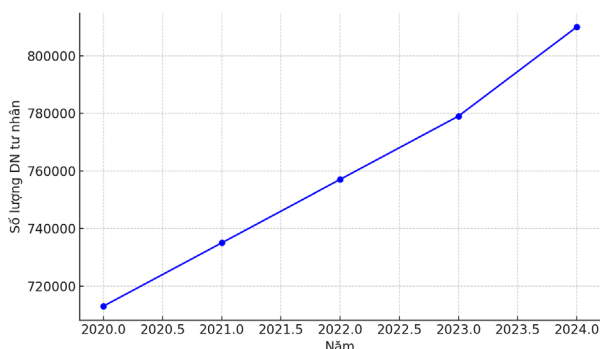
Các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là khu vực tư nhân, đã thể hiện khả năng thích nghi và vượt qua những khó khăn lớn. Ngay cả trong đỉnh điểm của đại dịch, mặc dù nhiều doanh nghiệp

phải tạm dừng hoặc giải thể, nhưng vẫn có những doanh nghiệp mới được thành lập và hoạt động trở lại.

Tỷ lệ thành lập doanh nghiệp mới vẫn duy trì ở mức cao trong hầu hết các năm (trừ năm 2021 chịu ảnh hưởng nặng nhất của dịch), minh chứng cho tinh thần khởi nghiệp mạnh mẽ, tiềm năng và khát vọng làm giàu, kinh doanh của người dân Việt Nam.

Các chính sách của Chính phủ như hỗ trợ thuế, phí, tín dụng, cải cách hành chính đã góp phần không nhỏ vào việc duy trì và thúc đẩy hoạt động của doanh nghiệp.

Biểu đồ 1: Số lượng doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam giai đoạn 2020-2024

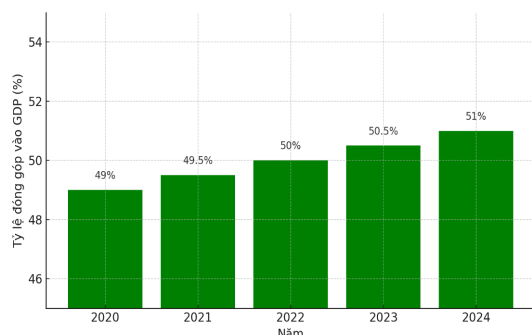


Nguồn: Tác giả tổng hợp

2.2. Đóng góp vượt trội vào tăng trưởng GDP và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

KTTN đã và đang là động lực chính của tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Tỷ trọng đóng góp của khu vực này vào GDP liên tục duy trì ở mức cao, ổn định và có xu hướng tăng nhẹ.

Biểu đồ 2: Đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP Việt Nam giai đoạn 2020-2024



Nguồn: Tác giả tổng hợp

Sự đóng góp này không chỉ dừng lại ở con số tuyệt đối mà còn thể hiện ở việc KTTN đã thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo

hướng hiện đại, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Các ngành dịch vụ, thương mại, chế biến, chế tạo đều có sự tham gia sâu rộng và đóng góp lớn của KTTN.

2.3. Nguồn tạo việc làm chủ yếu và cải thiện sinh kế cho hàng triệu người lao động

KTTN là khu vực tạo việc làm lớn nhất và năng động nhất cho người lao động Việt Nam, góp phần quan trọng vào việc giảm tỷ lệ thất nghiệp, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống. Hiện nay, khu vực KTTN đang sử dụng khoảng 82% lực lượng lao động của cả nước. Mỗi năm, hàng triệu việc làm mới được tạo ra bởi các doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) và hộ kinh doanh cá thể, giúp hấp thụ một lượng lớn lao động dôi dư từ khu vực nông nghiệp và lao động trẻ mới gia nhập thị trường.

Sự phát triển của các doanh nghiệp tư nhân ở các vùng nông thôn đã giúp người dân có thêm lựa chọn việc làm tại chỗ, giảm áp lực di dân và phát triển kinh tế địa phương.

2.4. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội, đặc biệt là vốn đầu tư

KTTN có khả năng huy động vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ các thành phần kinh tế khác một cách hiệu quả, đóng góp vào tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Tổng vốn đầu tư của khu vực tư nhân luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Theo TCTK, năm 2023, vốn đầu tư của khu vực ngoài nhà nước (chủ yếu là KTTN) ước đạt 1.849,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 57.6% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Điều này vượt xa vốn đầu tư khu vực nhà nước (30.8%) và khu vực FDI (11.6%). KTTN cũng đã chủ động tìm kiếm, liên kết và hợp tác với các doanh nghiệp FDI, học hỏi công nghệ, kinh nghiệm quản lý và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, KTTN đã và đang thực hiện xã hội hóa mạnh mẽ, giảm gánh nặng ngân sách nhà nước và nâng cao chất lượng dịch vụ.

2.5. Thúc đẩy xuất khẩu, hội nhập kinh tế quốc tế và nâng cao vị thế quốc gia

Nhiều doanh nghiệp tư nhân Việt Nam đã vươn tầm ra thị trường quốc tế, góp phần đáng kể vào kim ngạch xuất khẩu và nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. Các tập đoàn tư nhân lớn như VinGroup, FPT, Thaco, Masan, Viettel (mặc dù có vốn nhà nước nhưng hoạt động theo mô hình doanh nghiệp) không chỉ thành công

ở thị trường trong nước mà còn mạnh dạn đầu tư ra nước ngoài, xây dựng thương hiệu và cạnh tranh tại các thị trường khó tính. Ví dụ, VinFast đã đưa ô tô điện thâm nhập thị trường Mỹ; FPT vươn ra toàn cầu với các dịch vụ công nghệ thông tin.

Các doanh nghiệp tư nhân cũng là lực lượng chính trong việc sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng chủ lực như dệt may, da giày, nông sản, thủy sản, đồ gỗ. Sự linh hoạt và khả năng thích ứng nhanh đã giúp các doanh nghiệp này vượt qua nhiều rào cản thương mại.

2.6. Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ và nâng cao năng lực cạnh tranh nội địa

Sự phát triển của KTTN đã tạo ra một thị trường sôi động, với sự đa dạng về sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng phong phú của người tiêu dùng và thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh. Doanh nghiệp tư nhân luôn có sự năng động, linh hoạt trong việc nắm bắt xu hướng thị trường, đổi mới công nghệ, cải tiến sản phẩm và dịch vụ để tăng cường sức cạnh tranh. Điều này buộc các thành phần kinh tế khác, bao gồm cả DNNN và doanh nghiệp FDI, phải tự đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động để tồn tại và phát triển.

Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp tư nhân cũng góp phần giảm giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, mang lại lợi ích trực tiếp cho người tiêu dùng.

3. Những hạn chế và thách thức của Kinh tế Tư nhân

Bên cạnh những thành tựu ấn tượng, KTTN ở Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với nhiều hạn chế và thách thức lớn, cản trở sự phát triển bền vững và bứt phá của khu vực này.

3.1. Quy mô còn nhỏ và năng lực cạnh tranh yếu kém

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê đến cuối năm 2023, có khoảng 97-98% doanh nghiệp Việt Nam là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV). Số lượng doanh nghiệp lớn, có quy mô quốc tế còn rất ít. Điều này cho thấy cơ cấu doanh nghiệp còn rất “non trẻ”. Quy mô nhỏ kéo theo hàng loạt hạn chế như:

Khả năng tài chính yếu, công nghệ lạc hậu: các doanh nghiệp trong khu vực kinh tế tư nhân về cơ bản có Vốn tự có thấp, khó tiếp cận các nguồn vốn lớn để đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ. Nhiều DNNVV vẫn sử dụng máy móc, thiết bị cũ, tiêu tốn năng lượng, hiệu suất thấp, dẫn đến

năng suất lao động kém và chất lượng sản phẩm chưa cao.

Năng lực quản trị hạn chế: Thiếu đội ngũ quản lý chuyên nghiệp, thiếu chiến lược kinh doanh dài hạn, quản trị rủi ro kém.

Khả năng tiếp cận thị trường: Khó khăn trong việc tiếp cận các thị trường lớn, thị trường xuất khẩu do thiếu thông tin, thiếu kinh nghiệm và năng lực cạnh tranh.

Khó tham gia chuỗi giá trị toàn cầu: Chủ yếu tham gia ở các khâu có giá trị gia tăng thấp như gia công, lắp ráp, ít có khả năng tự chủ về thiết kế, nghiên cứu phát triển và phân phối.

3.2. Khó khăn trong tiếp cận vốn và đất đai

Về tiếp cận vốn: Mặc dù hệ thống ngân hàng đã có nhiều nỗ lực, nhưng việc tiếp cận vốn vay, đặc biệt là vốn trung và dài hạn, vẫn là rào cản lớn đối với nhiều DNNVV. Ngân hàng thường yêu cầu tài sản đảm bảo lớn, trong khi nhiều DNNVV không có đủ. Nhiều doanh nghiệp chưa có hệ thống kế toán, tài chính rõ ràng, khiến ngân hàng khó đánh giá rủi ro. Dù đã có những gói ưu đãi, nhưng lãi suất vẫn là gánh nặng và thủ tục vay vốn còn phức tạp, mất nhiều thời gian.

Về tiếp cận đất đai: Vấn đề đất đai là điểm nghẽn kéo dài do Quy hoạch chưa ổn định, thiếu minh bạch gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc lập kế hoạch đầu tư dài hạn. Thủ tục hành chính phức tạp, Quy trình thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cấp giấy phép xây dựng còn rườm rà, tốn kém thời gian và chi phí. Giá thuê đất cao đặc biệt ở các khu công nghiệp, khu đô thị lớn, chi phí thuê đất cao làm tăng giá thành sản phẩm, giảm khả năng cạnh tranh. Tình trạng “quy hoạch treo” khiến nhiều doanh nghiệp không thể triển khai dự án do vướng mắc quy hoạch hoặc chậm giải phóng mặt bằng.

3.3. Công nghệ lạc hậu và năng suất lao động thấp

Chi phí đầu tư cho đổi mới công nghệ là rất lớn, vượt quá khả năng tài chính của đa số DNNVV. Mặc dù có các chính sách hỗ trợ nhưng việc tiếp cận các quỹ hỗ trợ và công nghệ mới còn hạn chế. Nguồn nhân lực có kỹ năng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, kỹ thuật số, quản trị hiện đại còn thiếu và yếu. Điều này cản trở khả năng ứng dụng công nghệ mới và nâng cao năng suất. Năng suất lao động của KTTN Việt Nam nhìn chung còn thấp hơn so với các doanh nghiệp

FDI và DNNN, cũng như so với các nước trong khu vực. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng cạnh tranh về giá và chất lượng sản phẩm.

3.4. Môi trường kinh doanh chưa thực sự thuận lợi và minh bạch

Dù đã có nhiều cải cách, nhưng một số thủ tục hành chính vẫn còn chồng chéo, thiếu nhất quán giữa các bộ, ngành, địa phương. Điều này tạo gánh nặng về thời gian và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Một số chính sách pháp luật còn thay đổi, chưa ổn định, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc dự đoán và lập kế hoạch kinh doanh dài hạn. Tình trạng giải thích và áp dụng pháp luật chưa thống nhất ở các địa phương cũng là một vấn đề.

Mặc dù chủ trương là bình đẳng, nhưng trên thực tế, ở một số lĩnh vực, DNNN và doanh nghiệp FDI vẫn có những lợi thế nhất định về tiếp cận nguồn lực, thông tin và các ưu đãi. Tình trạng “xin - cho” dù đã giảm nhưng chưa được loại bỏ hoàn toàn, tạo ra cơ hội cho tham nhũng vặt và gây méo mó thị trường. Nhiều DNNVV và hộ kinh doanh cá thể gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin về thị trường, chính sách, quy định pháp luật.

3.5. Khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu

Nhiều doanh nghiệp tư nhân Việt Nam còn yếu trong hoạt động nghiên cứu thị trường, marketing chuyên nghiệp và xây dựng thương hiệu có tầm vóc quốc tế. Mối liên kết giữa các doanh nghiệp tư nhân với nhau, với DNNN và với các doanh nghiệp FDI còn lỏng lẻo. Điều này làm giảm khả năng hình thành các chuỗi giá trị nội địa và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Mặt khác, các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với nhiều rào cản phi thuế quan, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định về môi trường, lao động khắt khe khi thâm nhập các thị trường khó tính.

3.6. Thiếu vắng các tập đoàn tư nhân lớn, có sức cạnh tranh quốc tế

Mặc dù Việt Nam đã có một số tập đoàn tư nhân mạnh như VinGroup, FPT, Thaco, Masan, Hòa Phát..., nhưng số lượng vẫn còn khiêm tốn so với các nền kinh tế phát triển và so với các cường quốc kinh tế trong khu vực. Điều này làm giảm khả năng dẫn dắt, tạo hiệu ứng lan tỏa và chi phối thị trường của KTTN Việt Nam trên trường quốc tế. Sự thiếu vắng các “đầu tàu” lớn cũng ảnh hưởng đến khả năng hình thành các hệ sinh thái công nghiệp và dịch vụ hùng mạnh.

4. Triển vọng và Giải pháp thúc đẩy Kinh tế Tư nhân trong bối cảnh mới

Với những tiềm năng to lớn và tầm quan trọng ngày càng tăng, KTTN ở Việt Nam có triển vọng phát triển mạnh mẽ hơn nữa nếu những hạn chế được khắc phục một cách đồng bộ và quyết liệt. Để đạt được điều này, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.

4.1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, pháp luật và cải thiện môi trường kinh doanh một cách thực chất

Rà soát, sửa đổi và ban hành các quy định pháp luật mới theo hướng minh bạch, đồng bộ, dễ hiểu và dễ thực thi. Trọng tâm là giảm thiểu thủ tục hành chính, loại bỏ các “giấy phép con” không cần thiết, và đảm bảo tính ổn định, có thể dự đoán của chính sách.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính phủ điện tử, hướng tới chính phủ số, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến. Mục tiêu là giảm tối đa thời gian và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, công bằng giữa các thành phần kinh tế. Loại bỏ hoàn toàn các ưu đãi, đặc quyền không hợp lý. Xây dựng cơ chế giám sát độc lập, chống độc quyền và cạnh tranh không lành mạnh.

Nâng cao chất lượng thực thi pháp luật, tăng cường tính minh bạch, giảm thiểu tham nhũng, những nhiễu. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức chuyên nghiệp, tận tâm, liêm chính. Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp trong việc phản biện chính sách, đại diện cho quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp và tham gia giám sát việc thực thi chính sách.

4.2. Cải thiện khả năng tiếp cận vốn và đất đai

Đa dạng hóa các kênh huy động vốn cho KTTN ngoài kênh tín dụng ngân hàng. Phát triển thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu doanh nghiệp, các quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư tư nhân. Xây dựng các sản phẩm tài chính đa dạng, linh hoạt hơn cho DNNVV, đặc biệt là các hình thức vay vốn không cần tài sản đảm bảo dựa trên dòng tiền, uy tín hoặc tài sản vô hình.

Nghiên cứu áp dụng các mô hình bảo lãnh tín dụng hiệu quả hơn để hỗ trợ DNNVV tiếp cận vốn. Cải thiện minh bạch và ổn định trong quy hoạch và quản lý đất đai. Rút ngắn thời gian thực

hiện các thủ tục liên quan đến đất đai. Xây dựng quỹ đất sạch cho các dự án đầu tư của KTTN, đặc biệt là các dự án công nghệ cao, công nghệ xanh.

4.3. Thúc đẩy đổi mới công nghệ và nâng cao năng suất lao động

Có chính sách ưu đãi mạnh mẽ (thuế, tín dụng, hỗ trợ vốn) cho các doanh nghiệp đầu tư vào đổi mới công nghệ, nghiên cứu và phát triển (R&D). Khuyến khích các doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng số, kỹ năng quản lý hiện đại. Tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Khuyến khích đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho người lao động hiện có.

Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng các mô hình quản lý tiên tiến, lean manufacturing, tự động hóa để tối ưu hóa quy trình sản xuất và nâng cao năng suất. Thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để tạo ra các giải pháp công nghệ mới cho KTTN.

4.4. Nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng hội nhập quốc tế của doanh nghiệp

Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xây dựng thương hiệu quốc gia, xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường xuất khẩu. Tổ chức các chương trình đào tạo về marketing quốc tế, thương mại điện tử xuyên biên giới. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu bằng cách hỗ trợ kết nối với các tập đoàn đa quốc gia, nâng cao năng lực sản xuất phụ trợ.

Xây dựng cơ chế hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho các doanh nghiệp tư nhân có tiềm năng đầu tư ra nước ngoài. Hỗ trợ doanh nghiệp nắm bắt và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn quốc tế (ESG - Môi trường, Xã hội, Quản trị, RCEP, CPTPP, EVFTA) để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường toàn cầu.

4.5. Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy liên kết

Xây dựng các trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp, vườn ươm khởi nghiệp, không gian làm việc chung (co-working space) với các dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp (pháp lý, tài chính, quản trị, công nghệ). Khuyến khích và tạo điều kiện cho sự hình thành các chuỗi liên kết giá trị nội địa giữa các doanh nghiệp tư nhân, giữa KTTN với DNNN và doanh nghiệp FDI.

Phát triển các quỹ hỗ trợ DNNVV, quỹ đổi mới sáng tạo, quỹ khởi nghiệp với cơ chế hoạt động minh bạch, hiệu quả. Tăng cường vai trò của các tổ chức nghiên cứu, trường đại học trong việc cung cấp dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ và đào tạo cho KTTN.

Kết luận

Kinh tế tư nhân ở Việt Nam đã trải qua một hành trình phát triển ngoạn mục, từ chỗ bị giới hạn đến nay đã trở thành động lực quan trọng nhất, không thể thiếu của nền kinh tế. Với những đóng góp bền vững vào tăng trưởng GDP, tạo việc làm, huy động nguồn lực và thúc đẩy hội nhập quốc tế, KTTN xứng đáng nhận được sự quan tâm và tạo điều kiện tối đa từ phía Nhà nước.

Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, được ban hành vào ngày 04/05/2025 Tạo xung lực mới, khí thế mới để phát triển kinh tế tư nhân. Tuy nhiên, con đường phía trước còn nhiều gian nan. KTTN vẫn phải đối mặt với các thách thức về quy mô, năng lực cạnh tranh, tiếp cận nguồn lực, môi trường kinh doanh và khả năng hội nhập sâu rộng. Để KTTN Việt Nam thực sự bứt phá và vươn tầm, trở thành một trong những động lực dẫn dắt nền kinh tế đạt được mục tiêu trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045, cần có một sự đồng bộ, quyết liệt hơn nữa trong việc hoàn thiện thể chế, cải cách môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp và thúc đẩy liên kết. Đồng thời, kiên định với chủ trương phát triển KTTN trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế, với tầm nhìn dài hạn và các chính sách thực chất, hiệu quả. Khi KTTN đủ mạnh, đủ sức cạnh tranh trên trường quốc tế, đó cũng là lúc Việt Nam khẳng định vị thế vững chắc trong bản đồ kinh tế toàn cầu.

Tài liệu tham khảo:

- Tổng cục Thống kê (2024), Niên giám Thống kê 2023, Nxb Thống kê.
 Trần Thị Hoa (2022), Thực trạng và giải pháp phát triển thành phần kinh tế tư nhân, Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, số 4, tháng 3/2022.
 Lê Quốc (2023), Giải pháp phát triển doanh nghiệp tư nhân Việt Nam, Tạp chí Tài chính, kỳ 1 tháng 7/2023.
 Nguyễn Hoa Cương (2025) Phát triển doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới, Tạp chí Tài chính, kỳ 1 tháng 5/2025.
<https://baohinhphu.vn/phan-trien-kinh-te-tu-nhan-don-bay-cho-mot-viet-nam-thinh-vuong-10225031716522207.htm> Bài viết của TBT - GS Tô Lâm
https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/1/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM103441
<https://baohinhphu.vn/thao-go-diem-nghien-dong-hanh-cung-kinh-te-tu-nhan-phan-trien-102250323160352101.htm> vì sao tư nhân không muốn lớn
<https://baohinhphu.vn/phan-trien-kinh-te-tu-nhan-phai-rut-ngan-khoang-cach-ve-tu-duy-niem-tin-toc-do-102250315233047101.htm>
<https://baohinhphu.vn/phan-trien-kinh-te-tu-nhan-chia-khoa-de-tang-truong-2-con-so-10225030813511082.htm>
<https://tapchitaichinh.vn/phan-trien-kinh-te-tu-nhan-kinh-nghiem-cua-trung-quoac-va-mot-so-go-mo-cho-viet-nam.html>
<https://kinhte.vn/bao.vn/thuc-trang-phan-trien-kinh-te-tu-nhan-o-viet-nam-29803.html>